

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/DS - ST

Ngày 25 - 7 - 2024

V/v tranh chấp về quyền sử dụng
đất, tài sản gắn liền với đất và yêu
cầu bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Xây;

Ông Lành Văn Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lê Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2024; Thông báo chuyển ngày xét xử số 03/2024/TB-TA ngày 28/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/QĐST-DS ngày 27/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vy Thị K, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Các Bị đơn:

1. Ông Hoàng Văn K1, sinh năm 1959, có mặt.

2. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1987, có mặt.

3. Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1989, có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1994, có mặt.

2. Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1997, có mặt.

3. Anh Hoàng Trung K2, sinh năm 1996, có mặt;

4. Bà Lăng Thị H, sinh năm 1952, có mặt;

5. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1982; có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

6. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

- *Người làm chứng:*

1. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1933; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

2. Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

3. Ông Hoàng Văn C1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

4. Ông Hà Văn N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

5. Ông Lâm Văn Đ1, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

6. Ông Lâm Văn B1, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

7. Ông Lâm Văn K3, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

8. Ông Hoàng Văn T1; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vy Thị K trình bày:

Bố mẹ chồng bà Vy Thị K là cụ Hoàng Văn N1 và cụ Vy Thị C2, có một khu rừng khoảng 6ha thuộc đồi C, thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1989 khi kết hôn với ông Hoàng Văn H1, bà Vy Thị K được cùng gia đình nhà chồng vào khu rừng hái củi, khu rừng tiếp giáp với đất của ông Hoàng Văn T1, đất của ông Hoàng Văn N2 (ở bên cạnh), đất của ông Hoàng Văn K1 (ở phía trên diện tích đất).

Năm 2001 cả gia đình chồng bà gồm gia đình bà và gia đình ông Hoàng Văn C3 (anh trai chồng bà) cùng trồng cây thông trên 6ha rừng Cóc Cọt theo dự án V, khi trồng trên rừng đã có một số cây thông tự mọc, gia đình bà trồng cây mới xen kẽ vào. Năm 2011 con trai bà là anh Hoàng Văn S bắt đầu tự chọn

khoảng 300 cây thông to để cạo nhựa. Năm 2017 gia đình bà tiếp tục cạo nhựa thông, đồng thời thoả thuận với gia đình ông Hoàng Văn C3 (đã chết), vợ là Lăng Thị H mỗi nhà sử dụng một nửa rừng của ông cha để lại tương đương 3ha rừng, cụ thể gia đình bà Vy Thị K quản lý phía rừng bên trong giáp với đất rừng của ông Hoàng Văn K1, nhà bà Lăng Thị H quản lý rừng phía bên ngoài giáp với đất của ông Hoàng Văn N2.

Năm 2018 có một lần gia đình bà và gia đình ông Hoàng Văn K1 tranh chấp đất do ông Hoàng Văn K1 trồng cây thông lên đất của gia đình bà, phía gia đình bà ông Hoàng Văn H1 là người đại diện giải quyết, kết quả như nào bà không rõ.

Đến tháng 12 năm 2022 con trai ông Hoàng Văn K1 gồm anh Hoàng Văn Đ và Hoàng Văn D đã tự ý chặt hết 34 cây thông của gia đình bà trồng từ năm 2001 với đường kính các cây khoảng 20-40cm, con trai ông Hoàng Văn K1 cắt lấy gỗ bán được 01 xe ô tô, số cây đã chặt còn lại vẫn để trên rừng. Hôm sau gia đình bà phát hiện mời Công an xã đến giải quyết, lập biên bản. Đầu năm 2023 bà làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Q giải quyết tranh chấp đất, nhưng không hoà giải được, do đó bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Ông Hoàng Văn K1 phải trả lại cho gia đình bà 1000m² đất thuộc một phần thửa đất số 1130 không rõ số tờ bản đồ, địa chỉ thuộc thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Yêu cầu anh Hoàng Văn Đ, anh Hoàng Văn D phải bồi thường cho bà Vy Thị K giá trị 34 cây thông đã chặt với tổng số tiền là 51.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà Vy Thị K thay đổi yêu cầu khởi kiện, do sau khi tham gia xem xét thẩm định tại chỗ và tiếp cận sơ đồ đất tranh chấp, bà Vy Thị K biết đất tranh chấp có 812m² đất thuộc một phần thửa đất số 1130 và 1.824m² thuộc thửa 1129, tờ bản đồ 02 xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vì vậy, bà Vy Thị K tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 812m² thuộc thửa 1130, tờ bản đồ 02 xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để yêu cầu giải quyết sau, các yêu cầu khởi kiện còn lại là:

- Đề nghị Tòa án giải quyết tuyên cho hộ gia đình bà gồm bà, anh Hoàng Văn S, anh Hoàng Trung K2, chị Hoàng Thị B được quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp diện tích 1.824m² thuộc thửa số 1129, tờ bản đồ 02 xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Yêu cầu ông Hoàng Văn Đ, ông Hoàng Văn D phải bồi thường giá trị 34 cây thông đã chặt theo giá trị pháp luật quy định.

Theo bản khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng Văn K1 trình bày:

Gia đình ông Hoàng Văn K1 có một mảnh rừng khoảng 2ha, ở Cúc K giáp với Lập L1, thôn Q, xã Q, thành phố L, nguồn gốc đất do cụ Hoàng Thị K4 để lại cho bố ông là ông Hoàng Viết T2. Năm 1990, ông Hoàng Văn T3 chia đất

cho hai anh em là ông Hoàng Văn K1 và em trai Hoàng Văn K5, mỗi người một nửa rừng, ranh giới đất rừng của hai anh em là rẫy đồi; việc chia đất bằng miệng; khi được chia đất, trên mảnh rừng này đã có nhiều cây thông được các cụ vãi hạt từ khoảng năm 1983, các cây mọc linh tinh tự nhiên, không theo hàng lối. Từ thời điểm được chia, gia đình ông vào phát quang rừng hái củi, có lúc còn trồng sắn, lúa nương. Mảnh rừng ông được chia giáp với bà Vy Thị K, ông Hoàng Văn T4, ông Hà Văn N, giáp với một nửa đất rừng gia đình em trai Hoàng Văn K5 được chia.

Năm 2013 gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 1130, diện tích 21.695m², đất rừng sản xuất. Năm 2015-2016 bắt đầu gia đình ông bắt đầu cạo nhựa thông, các năm sau đó năm nào cũng cạo nhựa thông đến nay. Năm 2019 ông Hoàng Viết T2 chết, không để lại di chúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng đã cấp cho hộ ông Hoàng Viết T2 chưa thay đổi.

Năm 2019-2020 gia đình ông phát hiện con trai của bà Vy Thị K cạo nhựa thông trên các cây trồng trong phần đất gia đình ông, hai bên gia đình mâu thuẫn từ lúc đó nhưng không giải quyết gì triệt để, cứ khi gia đình ông cạo nhựa bà Vy Thị K lại xé túi. Đến năm 2022, có dự án đường D - L, bà Vy Thị K tự ý khai thác 50 cây thông trên phần đất của gia đình ông nhưng ở vị trí khác không phải vị trí tranh chấp theo đơn khởi kiện của bà Vy Thị K, sau sự việc chặt 50 cây thông chưa được giải quyết, thì tháng 12 - 2022 hai con trai ông là Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn D chặt 34 cây thông từ thời các cụ trồng năm 1982, hiện nay các gốc cây vẫn còn, mục đích để khai thác trồng cây mới, lúc chặt cây đường kính khoảng 50-60cm trở lên, sau khi chặt bà Vy Thị K đã có ý kiến tranh chấp ngay, hòa giải ở xã không thành nên khởi kiện như hiện nay.

Tại phiên hoà giải, bà Vy Thị K rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 812m² thuộc thửa 1130, tờ bản đồ 02 xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, ông nhất trí, đối với yêu cầu khởi kiện còn lại ông không đồng ý toàn bộ các yêu cầu khởi kiện, với lý do đất tranh chấp là của gia đình ông được các cụ để lại, sau khi gia đình ông trồng lúa nương, làm vườn không hiệu quả thì khoảng năm 1982 đã trồng cây thông tự gieo hạt, sau đó năm 2001 có dự án trồng cây 327 ông đã lấy khoảng 500 cây thông về trồng xen kẽ vào các cây thông có từ trước đó, đến năm 2011 thì khai thác nhựa thông với toàn bộ các cây thông có trên rừng của gia đình. Lý do tại phiên hoà giải ông mới trình bày khoảng năm 2002 gia đình ông trồng thêm 500 cây theo dự án 327 là do ông không hiểu biết.

Theo bản khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn anh Hoàng Văn Đ, anh Hoàng Văn D đều trình bày:

Các anh Hoàng Văn Đ, anh Hoàng Văn D cùng nhất trí với ý kiến của ông Hoàng Văn K1 đã trình bày, ngoài ra các anh Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn D còn trình bày các anh là con ruột của ông Hoàng Văn K1. Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông cha các anh để lại, gia đình các anh đã quản lý sử dụng ổn định đã lâu. Bà Vy Thị K cho rằng cây thông có trên đất tranh chấp được gia đình bà Vy Thị K cạo nhựa từ năm 2017 là không đúng, theo hiện trạng 03 cây còn lại trồng

cùng thời điểm với 34 cây thông đang tranh chấp, thì vết cạo nhựa không phải được cạo từ nhiều năm mà vết cạo nhựa chỉ có vài năm nay.

Nay bà Vy Thị K khởi kiện, yêu cầu hai anh phải bồi thường giá trị 34 cây thông đã chặt, các anh không đồng ý vì những cây thông hai anh chặt là của ông nội anh ông Hoàng Việt T2 trồng, bố anh và ông nội cùng chăm sóc, sau khi ông chết và bố già yếu, anh mới đến khai thác giúp bố.

Theo lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn gồm anh Hoàng Trung K2, anh Hoàng Văn S, chị Hoàng Thị B: Điều nhất trí ý kiến của nguyên đơn bà Vy Thị K, đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn. Cụ thể:

Anh Hoàng Văn S trình bày: Anh là con đẻ của bà Vy Thị K, bố anh là Hoàng Văn H1 (đã chết), năm 2014 anh kết hôn với chị Hoàng Thị B, đến năm 2022 vợ chồng ra ở riêng cách nhà bà Vy Thị K khoảng 50m, nhưng gia đình anh vẫn ăn chung với bà Vy Thị K.

Về nguồn gốc đất tranh chấp là từ ông cha của anh để lại, vị trí đất rừng của gia đình anh bắt đầu từ hàng thông trên đất của nhà anh giáp với đất của bác Hoàng Văn C3 hát về phía giáp ranh với đất của ông Hoàng Văn K1. Ranh giới đất giữa đất gia đình anh và bị đơn ông K1 là một hàng thông của bố mẹ anh trồng, ranh giới chỉ là đường trâu đi lại. Về quá trình sử dụng đất, trước đây anh nghe nói rừng của gia đình trồng lúa nương, sắn, sau đó trồng thông. Năm 2017 bắt đầu cạo nhựa thông, anh là người trực tiếp vào cạo nhựa cùng gia đình, năm đầu tiên cạo nhựa chưa có tranh chấp, năm thứ hai, gia đình ông K1 trồng cây thông xen kẽ vào đất rừng của gia đình anh nên tranh chấp xảy ra, sau đó không tranh chấp gì, anh và gia đình vẫn cạo nhựa thông liên tục cho đến khi cuối năm 2022, hai con của ông Hoàng Văn K1 đến chặt tổng cộng 34 cây thông của gia đình anh, do hoà giải không được mẹ anh bà Vy Thị K mới làm đơn khởi kiện. Anh đề nghị Toà án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vy Thị K, buộc ông Hoàng Văn K1 trả lại cho gia đình anh đất tranh chấp để gia đình anh được quản lý, sử dụng và yêu cầu anh Hoàng Văn Đ, ông Hoàng Văn D phải bồi thường giá trị 34 cây thông đã chặt.

Anh Hoàng Trung K2 trình bày: Anh là em trai của anh Hoàng Văn S, về quan hệ gia đình và nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất trình bày giống như anh Hoàng Văn S trình bày.

Chị Hoàng Thị B trình bày: Chị là vợ của anh Hoàng Văn S, con dâu của bà Vy Thị K. Năm 2014 chị bắt đầu về sinh sống với gia đình nhà chồng anh Hoàng Văn S, về quá trình sử dụng đất chị nhất trí với lời khai của bà Vy Thị K và chồng Hoàng Văn S.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lăng Thị H trình bày: Bà kết hôn với ông Hoàng Văn C3 năm 1971, ông Hoàng Văn C3 (đã chết năm 2001), ông Hoàng Văn C3 có bố mẹ là ông Hoàng Văn N1 (chết năm 1978) và bà Vy Thị C2 (chết năm 1974), các cụ

có 05 người con, có 03 con trai Hoàng Văn C3, Hoàng Văn L2, Hoàng Văn H1 và 02 con gái là Hoàng Thị C4 và Hoàng Thị Đ2. Bà và ông Hoàng Văn C3 có 03 người con tên là Hoàng Văn L sinh năm 1982, Hoàng Thị Thanh sinh 1986 và Hoàng Văn T5 sinh năm 1989.

Từ khi về làm dâu bà thấy gia đình chồng bà chưa từng có ai tranh chấp, lúc đầu bà thấy rừng chỉ có cây tự nhiên, sau đó đối với phần đất bằng thì gia đình trồng lúa nương, sắn, rồi để không cho đến năm 2001 thì cả gia đình bà, gia đình ông Hoàng Văn H1 cùng nhau trồng thông trên rừng, chỗ đất rộng không phát được thì gia đình không trồng, chỉ trồng được phần rộng phát được, áng chừng được hơn 2/3 rừng. Đến năm 2017, bà với ông Hoàng Văn H1 chia rừng Cóc Cọt mỗi gia đình được một nửa rừng rồi bắt đầu cạo nhựa thông, rừng của gia đình bà được một nửa phía giáp với đất ông Hoàng Văn P1, phía trên giáp với đất của ông Hoàng Văn K5 em của ông Hoàng Văn K1, trên đỉnh giáp với ông Hà Văn N. Một nửa đất gia đình ông Hoàng Văn H1 được hưởng thì giáp với đất của ông Hoàng Văn K1, ông Hoàng Văn T1, khe ruộng của Hà Văn Đ3, và giáp với đất của bà. Ranh giới với đất ông Hoàng Văn K1 là đường mòn hiện nay đã không còn.

Từ khi chia đất, gia đình bà và gia đình bà Vy Thị K nhà nào nhà nấy khác làm không đi cùng nhau cạo nhựa thông mấy khi, chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì chưa kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận, hai gia đình không ai có giấy tờ về đất. Ngày Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đất tranh chấp bản thân bà đi cùng bà Vy Thị K, anh Hoàng Văn D dẫn đạc cho đơn vị đo đạc đo đất tranh chấp nên bà biết rõ vị trí đất tranh chấp của hai gia đình. Bà đề nghị Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bà Vy Thị K vì đất có nguồn gốc của ông cha bên chồng bà để lại cho con cháu, việc gia đình ông Hoàng Văn K1 chặt cây của bà Vy Thị K là sai nên phải bồi thường đúng quy định pháp luật.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn L trình bày: Bố mẹ anh là ông Hoàng Văn C3 (đã chết năm 2001) và bà Lăng Thị H, từ nhỏ anh được đi theo bố mẹ đi làm rừng, ruộng ở C, thôn Q, xã Q khoảng 6ha, ranh giới rừng giáp với ông Hoàng Văn K1, ông Hoàng Văn T1, Hoàng Văn N2.

Khoảng năm 2003 khi cán bộ địa chính đến đo đất và cấp cây cho để trồng, anh đứng ra nhận đất đối với 6ha rừng, và nhận cây thông để trồng, sau đó anh và cả gia đình, gia đình ông Hoàng Văn H1 đi trồng thông trên 6ha rừng. Lúc này, anh không nhận được bất cứ thông tin tranh chấp nào, cũng không thấy gia đình ông Hoàng Văn K1 trồng cây trên đất của ông Hoàng Văn K1. Những cây thông trồng trên đất gia đình anh được chia hiện nay chỉ còn số ít, vì bị người khác đi chặn trâu chặt lấy mất.

Năm nào anh không nhớ gia đình anh và gia đình ông Hoàng Văn H1 chia nhau mỗi người một nửa rừng, một nửa rừng của gia đình anh đã bán 1,5ha rừng cho ông Hoàng Văn C. Hiện nay anh biết bà Vy Thị K và ông Hoàng Văn K1 đang tranh chấp đất, anh đề nghị Tòa án chấp nhận phần đất tranh chấp thuộc

quyền quản lý, sử dụng của gia đình bà Vy Thị K vì đất có nguồn gốc của gia đình các cụ để lại cho gia đình anh.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn C trình bày:

Ngày 19/01/2019 ông Hoàng Văn C đã mua 1,5ha rừng tại C, hay còn gọi là Cóc C5, Cóc K6, người chuyển nhượng là anh Hoàng Văn L, chị Vi Thị L3 và anh Hoàng Văn T5; vị trí đất ông nhận chuyển nhượng là rừng tiếp giáp với đất của anh Hoàng Văn T5 (em trai của Hoàng Văn L) với mốc giới là cọc sắt, giáp đất của anh Hoàng Văn T6 ranh giới là hàng thông nay là hàng keo, giáp đất với Hà Văn Đ4, giáp đất ông Hoàng Văn N2 có ranh giới là đông dôi. Thời điểm này, trên đất có sẵn một số cây thông được trồng theo hàng lối, việc chuyển nhượng đất được viết thành văn bản, đến nay chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng năm 2020 ông Hoàng Văn C trồng keo lên đất đã mua, sau một thời gian thì được đền bù tiền do đất bị ảnh hưởng đường hành lang dây điện Bắc Giang - Lạng Sơn, diện tích đất bị ảnh hưởng là 1.694m², được đền bù khoảng 60 triệu đồng. Trong trường hợp đường hành lang điện bị ảnh hưởng là 1.694m² ông đã nhận tiền đền bù, bao gồm cả phần đất bị ảnh hưởng thuộc quyền quản lý của bà Vy Thị K hoặc bất cứ ai khác thì ông đề nghị tự thương lượng giải quyết; nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau trong vụ án khác.

Về nguồn gốc đất ông Hoàng Văn C đã mua, ông biết có nguồn gốc của gia đình anh Hoàng Văn L, ông cha để lại và chia phần đất cho gia đình anh Hoàng Văn L, đất của ông mua giáp với đất của anh Hoàng Văn T5, tiếp giáp đất anh T5 là đất của gia đình bà Vy Thị K. Sự việc tranh chấp giữa gia đình bà Vy Thị K và ông Hoàng Văn K1, ông không có ý kiến gì.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của những người làm chứng về phía nguyên đơn gồm ông Lâm Văn Đ1, Lâm Văn B1, Lâm Văn K3 đều trình bày có rừng tại rừng C, không có quan hệ anh em họ hàng với các nguyên đơn, bị đơn trong vụ án, nhưng đều thấy gia đình bà Vy Thị K sử dụng đất tranh chấp từ lâu, chưa từng thấy ông Hoàng Văn K1 sử dụng đất tranh chấp.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của những người làm chứng về phía bị đơn đều trình bày đất tranh chấp do gia đình ông Hoàng Văn K1 quản lý, sử dụng từ trước đến nay, cụ thể:

Theo lời khai của người làm chứng ông Hoàng Văn C1 trình bày: Ông là em rể của ông Hoàng Văn K1 và là chồng bà Hoàng Thị P. Ông làm trưởng thôn Quảng Hồng III từ năm 2005 đến năm 2011, nay ông làm phó thôn Q III, ông được tham gia hoà giải ở thôn D lần với tư cách là thành viên tổ hoà giải, do đó biết rõ đất tranh chấp vị trí nào và nội dung tranh chấp giữa hai bên; ông biết khu đất tranh chấp trước đây trồng lúa nương, sau đó trồng sắn, về sau được gia đình ông Hoàng Văn K1 quản lý các cây thông tái sinh từ mọc từ hạt. Gia đình ông Hoàng Văn K1 chỉ quản lý đất tranh chấp bằng việc phát quang khu rừng của mình. Từ thời ông cha đến nay chưa từng có tranh chấp với ai.

Theo lời khai của người làm chứng bà Hoàng Thị P trình bày: bà là em ruột của ông Hoàng Văn K1, sau khi kết hôn năm 1990 bà vẫn ở trong thôn Q III, nội dung liên quan đất tranh chấp bà nhất trí với trình bày của ông Hoàng Văn C1.

Theo lời khai của người làm chứng bà Hoàng Thị T trình bày: Bà là cô ruột của ông Hoàng Văn K1, sau khi bà kết hôn thì bà về nhà chồng sinh sống ở xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đến nay đã rất nhiều năm, hiện nay bà đã già yếu, bị nặng tai, không được minh mẫn để trình bày các nội dung liên quan đến vụ án.

Theo lời khai của người làm chứng ông Hà Văn N trình bày: Ông là hàng xóm với ông Hoàng Văn K1, ông có một khu rừng khoảng hơn 4ha ở rừng C, tiếp giáp với đất của ông Hoàng Văn K1 về phía đỉnh đồi, trước đây khi ông vào rừng chăn trâu, hái củi ông thấy đất tranh chấp trồng lúa, sắn; đến đời ông Hoàng Văn K1, anh Đ là con ông Hoàng Văn K1 quản lý các cây thông tự mọc chưa thấy tranh chấp với ai bao giờ, đến năm 2023 mới có tranh chấp với bà Vy Thị K.

Theo lời khai của người làm chứng ông Hoàng Văn T1 trình bày: Ông là hàng xóm với ông Hoàng Văn K1, gia đình ông có một khu rừng khoảng 10ha thuộc rừng N, thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, rừng của ông có một phía tiếp giáp với rừng của bà Vy Thị K ranh giới là mồm đồi hiện nay có cột điện cao thế, một phía giáp với ông Hoàng Văn K1 ranh giới là một con đường ô tô vào được để chở gỗ. Về nguồn gốc đất rừng năm 2009 ông mua rừng Nà Màng với ông Hoàng Văn P2, địa chỉ thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Thời điểm mua đất ranh giới với đất của người khác vẫn như hiện nay, tuy nhiên ranh giới chưa hình thành rõ như sau khi ông làm con đường ô tô vào mà chỉ tính theo rông đồi, mồm đồi. Sau khi mua đất ông thấy đất bà Vy Thị K phía dưới cột điện có cây thông nhưng chỉ lác đác, một số cây thông ở phía dưới ngoài cột điện được trồng kín hơn; đất của ông Hoàng Văn K1 ông cũng thấy cũng có cây thông lác đác. Thời điểm này ông thấy ranh giới đất của ông Hoàng Văn K1 và bà Vy Thị K không rõ ràng, chỉ thấy đất rậm. Bản thân ông vào rừng thường gặp gia đình bà Vy Thị K cạo nhựa thông ở phần đất gần cột điện cao thế hiện nay, phía dưới nữa ông không để ý bao giờ. Ông không có ý kiến gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản sự việc ngày 12/12/2022 của Công an xã Q tại khu R, thôn Q có nội dung: Tại khu R thuộc thôn Q, xã Q có 34 cây thông bị cưa đổ đường kính 30-50cm, tại chỗ bị cưa đổ có 02 người là Hoàng Văn Đ và Hoàng Văn D nhận là người cưa đổ.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 05/3/2024 và sơ đồ đất tranh chấp do Công ty cổ phần V1 chi nhánh L4 thực hiện, đất tranh chấp có tên gọi rừng Cóc K6 (C) tại thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Theo bản đồ hiện trạng rừng năm 2023, xã Q, đất tranh chấp thuộc lô 53A, khoảng 9, tiểu khu C. Theo bản đồ địa chính xã Q, đất tranh chấp có các phía tiếp giáp:

- Phía Bắc, phía Đông giáp một phần thửa 1129;
- Phía Nam, phía Tây giáp một phần thửa 1130;

Theo trích đo đất tranh chấp do Công ty cổ phần V1 chi nhánh L4 đo vẽ, xác định:

- Theo bản đồ địa chính xã Q tỷ lệ 1:10000 lập năm 2008, đất tranh chấp thuộc một phần thửa 1129 và thửa 1130 với tổng diện tích 2.636m², trong đó đất tranh chấp thuộc thửa 1129 có diện tích 1.824m² vị trí đỉnh thửa A1,A2,N1,N2,A3,N3,A4,N5,A6; đất tranh chấp thuộc thửa 1130 có diện tích 812m² vị trí đỉnh thửa A4,N4,A5,A6,N5.

- Theo bản đồ địa chính xã tỷ lệ 1:1000 lập năm 2002 toàn bộ đất tranh chấp thuộc thửa 45, tờ bản đồ 121.

Tài sản trên toàn bộ đất tranh chấp: Có 30 cây bạch đàn đường kính 2-5cm các đưng sự thống nhất do bị đơn trồng; 01 cây thông đường kính 10-20cm; 02 cây thông đường kính trên 30cm, 01 cây thông đường kính 20-30cm, nguyên đơn cho rằng đợc quản lý các cây thông này từ năm 2001, còn bị đơn cho rằng 04 cây thông này do bị đơn trồng và quản lý từ năm 1982.

Theo Biên bản định giá tài sản, Hội đōng xác định: Đất tranh chấp có giá trị giống giá Nhà nước quy định là 12.000đồng/m²; 30 cây bạch đàn đường kính 2-5cm có giá 660.000đồng; thông đường kính 10-20cm giá 81.000đồng/cây; cây thông đường kính 20-30cm giá 135.000đồng, cây thông đường kính trên 30cm giá 293.000đồng. Tổng giá trị cây trên đất tranh chấp có giá trị là 1.462.000đồng.

Theo sổ mục kê lập năm 2003, thửa số 45 tờ bản đồ 121, diện tích 109747m², RTS tên sử dụng Hoàng Văn L.

Theo tài liệu bàn giao diện tích xã Q lập năm 2003, thửa đất số 45, diện tích 109747m², RTS tên sử dụng Hoàng Văn L.

Theo các biên bản xác minh tại Hạt K thành phố L, thể hiện nội dung như sau: Qua kiểm tra rà soát sổ Lâm bạ xã Q, thành phố L có thể hiện tên ông Hoàng Văn C3 đợc giao 2,23ha đất rừng trồng theo quyết định 153/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thị xã L tại địa danh C, thôn P nay là thôn Q, xã Q; tại mục ghi chú của sổ Lâm bạ có ghi thứ tự 339, đợc hiểu diện tích đất đợc giao thuộc thửa 339, bản đồ giao đất lâm nghiệp lập năm 1993. Tuy nhiên, Hạt Kiểm lâm không lưu trữ quyết định số 153 nói trên. Ngoài địa danh Cóc Khọt ở thôn P, không thấy địa danh Cóc Khọt tại thôn nào khác trên địa bàn xã.

Đối chiếu từ bản đồ giao đất lâm nghiệp sang bản đồ hiện trạng rừng xã Q năm 2021, thửa số 339 tương ứng với thửa số 53a - RTG, diện tích 2,09ha và thửa số 54a - RTG, diện tích 5,34ha, khoảng 9 tiểu khi 342A.

Theo Công văn 1133/UBND-TNMT ngày 01/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn: Đối chiếu vị trí khu đất tranh chấp với bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố L đến năm 2023 đã đợc phê duyệt, đất

tranh chấp thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất, không thuộc trường hợp bị thu hồi, không thuộc trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Hoàng Văn K1 trả lại diện tích đất 812m² thuộc thửa 1130, tờ bản đồ 02 xã Q để gia đình bà được quản lý, sử dụng; nguyên đơn bà Vy Thị K tiếp tục xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu các bị đơn Hoàng Văn D, Hoàng Văn Đ phải bồi thường thiệt hại đối với 34 cây thông đã chặt; trong 34 cây thông này có khoảng 20 cây thông do bà trồng từ 2001 còn lại là cây tự mọc. Nay bà Vy Thị K chỉ yêu cầu ông Hoàng Văn K1 phải trả lại cho hộ gia đình bà đất tranh chấp là 1.824m² đất thuộc một phần thửa 1129, tờ bản đồ 02 xã Q để hộ gia đình bà được quyền quản lý, sử dụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn S, anh Hoàng Trung K2 và chị Hoàng Thị B nhất trí việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Vy Thị K, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại.

Bị đơn ông Hoàng Văn K1 trình bày nhất trí với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Vy Thị K, mặc dù gia đình ông không có giấy tờ tài liệu chứng minh về quyền sử dụng đất nhưng nguồn gốc đất là của gia đình ông và gia đình ông đã quản lý, sử dụng liên tục đến nay, hiện nay ông được 65 tuổi, trường hợp phải nộp án phí thì ông xin Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông, do bị nặng tai nên ông đề nghị các con ông thay mặt trình bày ý kiến.

Bị đơn anh Hoàng Văn Đ trình bày: Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng anh giữ nguyên ý kiến như đã trình bày với Toà trước đó, ngoài ra anh trình bày gia đình không ai biết năm 2003 anh Hoàng Văn L đã đứng tên thửa đất số 45, cho đến khi ra Toà thì gia đình anh mới biết. Anh nhất trí với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Vy Thị K.

Bị đơn anh Hoàng Văn D trình bày: Anh nhất trí với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Vy Thị K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn C và những người làm chứng có mặt tại phiên toà đều giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trước đó.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 100, Điều 101, Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 189, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vy Thị K: Hộ gia đình bà Vy Thị K được quyền quản lý, sử dụng diện tích tranh chấp 1.824 m² đất rừng sản xuất và sở hữu tài sản trên đất (nếu có), tại khu C, thôn Q, xã Q có vị trí đỉnh thửa A1, A2, N1, N2, A3, N3, A4, N5, A6, thuộc một phần thửa số 1129, tờ bản đồ số 02 xã Q, thành phố L. Được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số TĐ 04-2024, ngày 05/3/2024 do Công ty cổ phần V1 - Chi nhánh L4 thực hiện.

- Đình chỉ giải quyết diện tích đất 812 m², có vị trí đỉnh thửa A4, N4, A5, A6, N5 thuộc một phần thửa đất số 1130, tờ bản đồ số 02, xã Q, thành phố L được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số TĐ 04-2024, ngày 05/3/2024 do Công ty cổ phần V1 - Chi nhánh L4 thực hiện, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Việt T2.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vy Thị K về việc yêu cầu bị đơn Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn D bồi thường thiệt hại đối với 34 cây thông bị chặt theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Bà Vy Thị K phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với diện tích đất đã rút yêu cầu; Ông Hoàng Văn K1 phải chịu tương ứng với phần diện tích đất bà Vy Thị K được chấp nhận.

- Về án phí: Yêu cầu của bà Vy Thị K được chấp nhận nên không phải chịu án phí nên trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Vy Thị K. Ông Hoàng Văn K1 được miễn án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 236/2016/UBNTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt một số người làm chứng nhưng những người làm chứng vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người làm chứng này.

[2] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Vy Thị K xác định 02 cháu Hoàng Hồng N3, Hoàng Hồng V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn không đưa vào tham gia tố tụng do các cháu chưa thành niên nên chưa đủ năng lực hành vi dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của các bị đơn Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là: Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Đất tranh chấp tại xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Về địa danh, địa điểm đất tranh chấp: Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/3/2024, xác định đất tranh chấp có địa danh là Cóc C5 (tên gọi khác là Cóc K6), địa điểm tại thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, theo hiện trạng là đất rừng sản xuất; Theo Bản đồ hiện trạng rừng năm 2023, xã Q, đất tranh chấp thuộc lô 53A, khoảnh 9, tiểu khu C.

[5] Theo Trích đo khu đất tranh chấp số 04-2024 của Công ty cổ phần V1 chi nhánh L4 thể hiện, đất tranh chấp có diện tích là 2.636m²; theo bản đồ địa chính xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn tỷ lệ 1:10000 lập năm 2008, đất tranh chấp bao gồm diện tích 1.824 m² đất thuộc một phần thửa đất số 1129 (diện tích 67.666m²), tờ bản đồ số 02, có vị trí đỉnh thửa A1,A2,N1,N2,A3,N3,A4,N5,A6 và diện tích 812m² đất thuộc một phần thửa đất số 1130 (diện tích 21.695m²), tờ bản đồ số 02, có vị trí đỉnh thửa A4,N4,A5,A6,N5. Theo bản đồ địa chính xã Q, thành phố L tỷ lệ 1:1000 lập năm 2002, toàn bộ đất tranh chấp là 2.636m² đều thuộc thửa 45 (diện tích 109.747m²) tờ bản đồ 121.

[6] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Vy Thị K rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Hoàng Văn K1 trả lại 812m² đất thuộc một phần thửa đất số 1130, tờ bản đồ số 02 để gia đình bà được quyền quản lý, sử dụng; rút yêu cầu về việc buộc anh Hoàng Văn Đ và anh Hoàng Văn D phải bồi thường thiệt hại đối với 34 cây thông đã chặt theo giá trị pháp luật quy định. Xét thấy, bà Vy Thị K tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không bị ai ép buộc, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện, giải quyết hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đã rút.

[7] Như vậy, yêu cầu khởi kiện còn lại phải giải quyết là quyền quản lý, sử dụng đối với 1.824 m² thuộc một phần thửa đất số 1129, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính xã Q có vị trí đỉnh thửa là A1,A2,N1,N2,A3,N3,A4,N5,A6. Diện tích đất tranh chấp nói trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất.

[8] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất và đều cho rằng của ông cha gia đình mình khai phá để lại. Trong đó, nguyên đơn bà Vy Thị K cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là do ông cha của chồng bà là ông Hoàng Văn H1 (đã chết) khai phá và để lại cho gia đình bà khoảng 6ha đất thuộc đồi Cóc Cột, thôn Q, xã Q, thành phố L, sau đó anh em trong gia đình tự chia nhau, gia đình ông Hoàng Văn H1 (đã chết) và bà Vy Thị K được chia khoảng 3ha rừng; bị đơn ông Hoàng

Văn K1 cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là ông cha ông khai phá, để lại cho bố ông là Hoàng Việt T2, năm 1990 ông Hoàng Việt T2 đã chia cho ông.

[9] Về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp: Các bên đương sự cùng cho rằng đất tranh chấp trước đây được ông cha sử dụng trồng lúa nương, sắn, trước khi gia đình nguyên đơn bà Vy Thị K và gia đình bị đơn ông Hoàng Văn K1 quản lý sử dụng đất, thì trên rừng đã có sẵn một số cây thông. Năm 2001, các đương sự đều trình bày gia đình mình đã trồng xen kẽ thêm cây thông vào các thông có từ trước đó, sau đó khai thác nhựa thông liên tục. Để chứng minh cho ý kiến của mình là đúng, nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị người làm chứng, xét thấy lời khai người làm chứng phía nguyên đơn chưa rõ, do đất tranh chấp không tiếp giáp với đất rừng của những người làm chứng phía nguyên đơn; còn người làm chứng phía bị đơn trừ ông Hà Văn N đều có quan hệ anh em họ hàng với bị đơn nên lời khai của họ chưa khách quan. Có thể thấy, việc quản lý, sử dụng đất tranh chấp chưa rõ ràng, lời khai của hai bên đương sự về việc quản lý sử dụng đất tranh chấp cơ bản là giống nhau nhưng không bên nào cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

[10] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết.

[11] Đối chiếu với các tài liệu liên quan đến 1.824 m² đất tranh chấp, nhận thấy theo bản đồ hiện trạng rừng 2021 đất tranh chấp thuộc lô 53A, khoảnh 9, tiểu khu C, đối chiếu sang bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1993, lô 53A, khoảnh 9, tiểu khu C thuộc một phần của thửa đất số 339, diện tích 2,23ha; theo sổ lâm bạ lập năm 1993, thửa số 339, diện tích 2,23ha loại đất rừng trồng được giao cho ông Hoàng Văn C3 quản lý, sử dụng. Năm 2002, theo bản đồ địa chính xã Q tỷ lệ 1:1000 đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 45, tờ bản đồ 121; Theo tài liệu bản giao diện tích xã Q và sổ mục kê lập năm 2003, thửa đất số 45, diện tích 109747, RTS tên sử dụng Hoàng Văn L. Năm 2008, theo bản đồ địa chính xã Q tỷ lệ 1:10000, 1.824 m² đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 1129, tờ bản đồ 02.

[12] Xét thấy, các đương sự đều thừa nhận ông Hoàng Văn C3 (đã chết) là anh ruột của ông Hoàng Văn H1 (đã chết), anh Hoàng Văn L là con ruột của ông Hoàng Văn C3. Mặc dù, việc anh Hoàng Văn L đứng tên chủ sử dụng trên sổ mục kê và tài liệu bản giao diện tích đất năm 2003 không phải là căn cứ để chứng minh quyền quản lý, sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, tuy nhiên trên sổ Lâm bạ lập năm 1993, ông Hoàng Văn C3 được giao 2,23ha đất rừng trồng thuộc thửa số 339, sau đó năm 2003 gia đình ông Hoàng Văn C3 (đã chết) vẫn quản lý sử dụng đất rừng được giao, thể hiện qua việc anh Hoàng Văn L đứng tên người sử dụng thửa số 45, tờ bản đồ 121.

[13] Như vậy, xét về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất có cơ sở để xác định đất tranh chấp có nguồn gốc của gia đình ông Hoàng Văn C3 (đã chết). Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự gia đình bà Vy Thị K và gia đình bà Lăng Thị H, anh Hoàng Văn L đều thừa nhận trong gia đình đã tự chia rừng và xác định đất tranh chấp thuộc phần rừng đã chia cho gia đình bà Vy Thị K.

[14] Mặt khác, tiếp giáp với phần đất tranh chấp là thửa số 1130 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Việt T2 (đã chết) vào năm 2013, qua xem xét biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất 1130 lập năm 2008, nhận thấy ông Hoàng Văn H1 (đã chết) ký tên chủ sử dụng đất tiếp giáp.

[15] Về việc các bị đơn anh Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn D trình bày gia đình các anh không biết việc năm 2003 anh Hoàng Văn L ký tên người sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ 121 tại sổ mục kê, tài liệu bàn giao diện tích. Nhận thấy, quá trình cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để lập sổ mục kê, thống kê diện tích đất, loại đất, chủ sử dụng đất theo hiện trạng là công khai, hơn nữa tại sổ mục kê, tài liệu bàn giao diện tích đất năm 2003, thứ tự số 16 thể hiện ông Hoàng Văn K1 có ký nhận sử dụng thửa đất số 46, diện tích 19135m². Như vậy, ý kiến của các bị đơn anh Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn D cho rằng không biết anh Hoàng Văn L ký tên người sử dụng thửa đất số 45 là không có cơ sở.

[16] Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định phần diện tích đất 1.824 m² thuộc một phần thửa đất số 1129, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính xã Q có vị trí đỉnh thửa là A1,A2,N1,N2,A3,N3,A4,N5,A6 đã được gia đình bà Vy Thị K quản lý, sử dụng ổn định không có tranh chấp từ năm 1993, đến năm 2023 mới xảy ra tranh chấp, hiện nay việc sử dụng đất tranh chấp phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thành phố L nên thuộc trường hợp được Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100; 101; 166; Điều 170; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, như vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vy Thị K.

[17] Về tài sản có trên đất tranh chấp: Theo Trích đo khu đất tranh chấp, xác định 30 cây bạch đàn đường kính 2-5cm; 01 cây thông đường kính 10-20cm; 02 cây thông đường kính trên 30cm, 01 cây thông đường kính 20-30cm được trồng trên phần đất thuộc thửa số 1130, không thuộc thửa số 1129. Do vậy, các cây trồng trên không thuộc quyền sở hữu của gia đình bà Vy Thị K. Gia đình bà Vy Thị K chỉ được quyền sở hữu các cây trồng (nếu có) có trên 1.824 m² đất thuộc một phần thửa đất số 1129, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính xã Q có vị trí đỉnh thửa là A1,A2,N1,N2,A3,N3,A4,N5,A6.

[18] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 14.161.000đồng, nguyên đơn bà Vy Thị K đã nộp đủ chi phí này. Hội đồng xét xử căn cứ vào giá trị tài sản tranh chấp để xác định trách nhiệm chịu chi phí tố tụng như sau: Về đất tranh chấp theo đơn khởi kiện ban đầu là 2.636m² x 12.000đồng/m² = 31.632.000đồng. Về cây, 34 cây thông đã chặt bà Vy Thị K yêu cầu bồi thường, bà xác định có 20 cây thông của bà trồng từ 2001 và 14 cây thông tự mọc, như vậy 20 cây x 135.000đồng = 2.700.000đồng; 14 cây x 293.000đồng = 4.102.000đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 31.632.000đồng + 2.700.000đ + 4.102.000đ + 1.462.000đồng (cây còn tồn tại trên đất theo biên bản thẩm định xác định) = **39.896.000đồng**. Bà Vy Thị K phải chịu chi phí tố tụng tương ứng giá trị tranh chấp 18.008.000đồng (gồm 812m² đất là 9.744.000đồng + giá trị cây trên đất và yêu cầu bồi thường

cây đã chặt 8.264.000đồng), chiếm 45% tương ứng 6.372.450đồng. Chi phí còn lại là 7.788.550đồng, làm tròn là 7.788.500đồng bị đơn ông Hoàng Văn K1 phải chịu, ông K1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền 7.788.500đồng cho bà Vy Thị K.

[19] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Vy Thị K được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do bà K được chấp nhận yêu cầu khởi kiện và tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện. Ông Hoàng Văn K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị đất tranh chấp được chấp nhận yêu cầu khởi kiện là $21.888.000\text{đồng} \times 5\% = 1.094.400\text{đồng}$, nhưng ông Hoàng Văn K1 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[20] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[21] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 100; Điều 101; Điều 166; Điều 170; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào các Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 189, Điều 221, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, điểm c khoản 1 điều 217; Điều 218, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vy Thị Khai

Hộ gia đình bà Vy Thị K gồm bà Vy Thị K, anh Hoàng Văn S, anh Hoàng Trung K2, chị Hoàng Thị B được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tại khu C, thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất (nếu có), cụ thể như sau:

Diện tích 1.824m² đất thuộc một phần thửa đất số 1129, loại đất rừng sản xuất, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa A1A2N1N2A3N3A4N5A6.

(Vị trí, hình thể, kích thước, tứ cận tiếp giáp của diện tích đất trên thể hiện tại Trích đo khu đất tranh chấp do Công ty cổ phần V1 chi nhánh L4 đo vẽ kèm theo bản án).

Hộ gia đình bà Vy Thị K có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vy Thị K đối với các yêu cầu khởi kiện sau:

- Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đối với 812m² đất vị trí đỉnh thửa A4,N4,A5,A6,N5 thuộc thửa số 1130, tờ bản đồ địa chính số 02 xã Q, thành phố L, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Việt T2. *(Vị trí, hình thể, kích thước, tứ cận tiếp giáp của diện tích đất trên thể hiện tại Trích đo khu đất tranh chấp do Công ty cổ phần V1 chi nhánh L4 đo vẽ kèm theo bản án).*

- Yêu cầu bị đơn anh Hoàng Văn Đ, anh Hoàng Văn D bồi thường thiệt hại cho bà Vy Thị K giá trị 34 cây thông bị chặt theo quy định pháp luật.

Bà Vy Thị K có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại các nội dung khởi kiện đã rút.

3. Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng

Bà Vy Thị K phải chịu chi phí tố tụng gồm tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với số tiền là 6.372.450đồng (*sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng*), xác nhận bà Vy Thị K đã nộp đủ.

Ông Hoàng Văn K1 phải chịu tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với số tiền 7.788.500đồng (*bảy triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng*), do bà Vy Thị K đã nộp tạm ứng đủ số tiền trên, vì vậy ông Hoàng Văn K1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền 7.788.500đồng (*bảy triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng*) cho bà Vy Thị K.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị đơn ông Hoàng Văn K1 được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền được miễn là 1.094.400đồng (*một triệu không trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm đồng*).

Hoàn trả cho bà Vy Thị K số tiền 1.650.000 đồng (*một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 30/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Phương Thảo

